

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 12-6-2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hợp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Duyên Văn Hiền

Ông Trịnh Văn Điệp.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T – sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Tuấn A – sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2020 và tại phiên tòa chị Lê Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Tuấn A kết hôn năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tuấn A.

Về con chung: Có hai người con chung, cháu Đinh Tuấn A, sinh ngày 15/9/2015 và Đinh Tuấn L, sinh ngày 27/9/2017. Cháu A đang ở với anh Tuấn A, cháu L đang ở với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, giao cháu A cho anh Tuấn A tiếp tục nuôi dưỡng. Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 08/6/2020, anh Đinh Tuấn A xác định:*

Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn hợp pháp, hiện đã ly thân nhau. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn thường xảy ra và không thể hàn gắn. Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có hai người con chung: Đinh Tuấn A, sinh ngày 15/9/2015 và Đinh Tuấn L, sinh ngày 27/9/2017. Cháu A đang ở với anh, cháu L đang ở với chị T. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đinh Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại ấp 5, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Tuấn A nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị T là người khởi kiện, anh Tuấn A là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn, anh Tuấn A là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Tuấn A yêu cầu được xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Tuấn A theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tuấn A tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/3/2016 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tuấn A được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tuấn A và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, anh Tuấn A đồng ý ly hôn với chị T. Chị T xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Tuấn A.

[3] Về con chung: Chị T và anh Tuấn A có hai người con chung, cháu Đình Tuấn A, sinh ngày 15/9/2015 và Đình Tuấn L, sinh ngày 27/9/2017. Cháu A đang ở với anh Tuấn A, cháu L đang ở với chị T. Các bên thống nhất giao cháu A cho anh Tuấn A được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Đây là ý chí tự nguyện của các bên và phù hợp với điều kiện cụ thể của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Chị T và anh Tuấn A mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung, cả hai thống nhất không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau, đây là ý chí tự nguyện các bên nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Tuấn A xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Tuấn Anh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc ly hôn với anh Đình Tuấn A.

**2.** Về con chung: Giao cháu Đình Tuấn A, sinh ngày 15/9/2015 cho anh Đình Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Đình Tuấn L, sinh ngày 27/9/2017 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

**3.** Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003472 ngày 17 tháng 4

năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Lê Thị T không phải nộp tiếp.

Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đinh Tuấn A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Hợp**